

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ- ST
Ngày: 20-5- 2020
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bể

2. Bà Trần Thị Nơi

Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Giang - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2020/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn H1, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

(Chị H và anh H1 đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản ghi lời khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn H1 kết hôn cùng nhau do tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào năm 1999 nhưng hiện nay chị làm mất giấy Chứng nhận kết hôn nên không xuất trình cho Tòa án được. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống

hoà thuận đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày. Mâu thuẫn trầm trọng, đôi bên không khắc phục được đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh H1 là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Chị và anh H1 có 02 con chung là Bùi Thu Q, sinh ngày 05-9-2001 và Bùi Văn H, sinh ngày 15-8-2004, hiện do anh H1 nuôi dưỡng. Hiện cháu Q đã trưởng thành và tự lập về kinh tế nên không đặt ra yêu cầu giải quyết. Sau khi ly hôn, chị nhường anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Văn H và không góp cấp dưỡng nuôi con cùng anh H1.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 04-3-2020, bị đơn anh Bùi Văn H1 trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn kết hôn cùng nhau do tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào năm 1999. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2015 thì chị H tự ý bỏ nhà ra đi không biết lý do vì sao. Anh đã nhiều lần gọi điện thoại động viên chị H về để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị H không về. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H có đơn xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về nuôi con chung: Anh và chị H có 02 con chung là Bùi Thu Q, sinh ngày 05-9-2001 và Bùi Văn H, sinh ngày 15-8-2004. Hiện cháu Q đã trưởng thành và tự lập về kinh tế nên không đặt ra yêu cầu giải quyết. Sau khi ly hôn, anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Văn H và không yêu cầu chị H góp cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình giám sát sự tuân theo pháp luật tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định, các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt họ. Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử xử không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Văn H1 là vợ chồng; về nuôi con chung: Con chung Bùi Thu Q, sinh ngày 05-9-2001 đã trưởng thành và tự lập về kinh tế nên không xem xét giải quyết. Giao con chung Bùi Văn H, sinh ngày 15-8-2004 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải góp

cấp dưỡng nuôi con cùng anh H1; về chia tài sản chung: Không đặt ra giải quyết; về án phí: Chị H phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Bùi Văn H1, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt, vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Theo biên bản xác minh của Tòa án tại UBND xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình thể hiện: UBND xã H không còn lưu trữ được sổ theo dõi đăng ký kết hôn năm 1999 trở về trước nên UBND xã H không xác định được chị H và anh H1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H hay không. Chị H và anh H1 đều trình bày có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã H vào năm 1999 nhưng chị H và anh H1 không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho việc có đăng ký kết hôn như đã trình bày. Vì vậy cần xác định chị H và anh H1 có chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, chị H trình bày do bất đồng quan điểm sống, anh H1 trình bày không biết vì lý do gì chị H bỏ nhà đi nên đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Chị H đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh H1 là vợ chồng, anh H1 đề nghị nhất trí ly hôn. Xét thấy chị H và anh H1 sống ly thân đã lâu, mâu thuẫn giữa chị H và anh H1 đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì chị H và anh H1 không xuất trình được giấy Chứng nhận đăng ký kết hôn nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H, xử tuyên bố không công nhận chị H và anh H1 là vợ chồng là phù hợp với quy định tại Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị H và anh H1 có 02 con chung là Bùi Thu Q, sinh ngày 05-9-2001 và Bùi Văn H, sinh ngày 15-8-2004. Hiện cháu Q đã trưởng thành và tự lập về kinh tế nên không đặt ra yêu cầu giải quyết. Đối với con chung Bùi Văn H, chị H và anh H1 đều thống nhất để anh H1 trực tiếp nuôi con chung Bùi Văn H. Vì vậy cần giao con chung Bùi Văn H cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải góp cấp dưỡng nuôi con cùng anh H1.

[4] Về chia tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân:* Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Văn H1 là vợ chồng.

2. *Về nuôi con chung:* Chị H và anh H1 có 02 con chung là Bùi Thu Q, sinh ngày 05-9-2001 và Bùi Văn H, sinh ngày 15-8-2004. Hiện cháu Q đã trưởng thành và tự lập về kinh tế nên không đặt ra yêu cầu giải quyết. Giao con chung Bùi Văn H, sinh ngày 15-8-2004 cho anh Bùi Văn H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải góp cấp dưỡng nuôi con cùng anh H1. Chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về chia tài sản chung:* Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005926 ngày 03-3-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Văn H1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Bích Thủy

